

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp  
đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện  
trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

Nhằm đẩy mạnh công tác cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang; đa dạng hóa các hình thức, các biện pháp cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn tình trạng quá tải tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh (gọi tắt là Cơ sở) do số lượng người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc có chiều hướng gia tăng. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ Quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, quy định:

“3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này (nếu có);

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.”

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, những năm gần đây, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa tỉnh An Giang ngày càng diễn biến phức tạp, số người nghiện ma túy ngày càng tăng (năm 2019, toàn tỉnh quản lý 6.155 người nghiện, có 803 người nghiện ma túy mới, tăng 15% so với năm 2018), trong đó có nhiều người nghiện là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ cận nghèo; người nghiện bị nhiễm HIV/AIDS không nằm trong đối tượng được Nhà nước hỗ trợ khi tham gia cai nghiện tự nguyện. Đặc biệt nhiều người nghiện chưa thành niên (từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi) không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và cũng chưa có chế tài để xử lý.

Để khuyến khích, thu hút người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập, tại gia đình và cộng đồng, giảm tỷ lệ cai nghiện bắt buộc tránh tình trạng quá tải tại Cơ sở theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy của Chính phủ; tạo sự thống nhất về đối tượng hỗ trợ, mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Vì vậy, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang là có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền và cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

### **1. Mục đích**

Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, thu hút người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tự nguyện, giảm tỷ lệ người cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở.

### **2. Quan điểm chỉ đạo**

Đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và thống nhất về đối tượng hỗ trợ, mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang; tạo điều kiện cho người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và cơ sở công lập.

### III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết; theo đó đơn vị đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang để lấy ý kiến theo quy định.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp, tham khảo định mức chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện của các tỉnh lân cận như Đồng Tháp, Kiên Giang, ... và báo cáo thăm định của ngành tư pháp (*Báo cáo số 51/BC-STP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Sở Tư pháp*), cơ quan soạn thảo đã hoàn chỉnh dự thảo theo đúng quy trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### III. MỤC ĐÍCH, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

#### 1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 4 Điều, trong đó:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập
- Điều 3. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập
- Điều 4. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

#### 2. Nội dung cơ bản

Việc quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện theo Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ bản như sau:

##### a) Mở rộng đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ

Hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, bao gồm: Người dân tộc thiểu số, người bị nhiễm HIV/AIDS, người thuộc hộ cận nghèo, người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

##### b) Chế độ hỗ trợ về chỗ ở

Bố trí chỗ ở miễn phí tại các cơ sở cai nghiện công lập đối với người nghiện ma túy trong thời gian tham gia cai nghiện tự nguyện.

##### c) Định mức các khoản đóng góp đối với người cai nghiện tự nguyện

- Cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập:

Mức đóng góp chi phí tiền điện, nước, vệ sinh và chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập thực hiện bằng với mức đóng góp đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định tại Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính, mức đóng góp cụ thể như sau:

- + Chi phí tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người tháng.
- + Chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/đợt.
- Cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

Mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thực hiện bằng với định mức người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo Luật Phòng chống ma túy (trừ trường hợp được miễn, giảm hỗ trợ theo quy định), gồm:

- + Chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
- + Xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
- + Tiền thuốc trong hỗ trợ điều trị cắt con nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
- + Tiền ăn trong thời gian cắt con nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian cắt con nghiện đến khi có kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy.
- + Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma túy theo quy định hiện hành (*dự thảo Nghị quyết chi tiết kèm theo*).

Để triển khai hiệu quả việc đổi mới công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết nghị.

**Nơi nhận:**

- TT: TU, UBND tỉnh;
- Sở: LĐTBXH, TC;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Phước**

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2019

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

Quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số ..... /TTr-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức đóng góp, chế độ hỗ trợ chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số..... ngày..... tháng.....năm 2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập; tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 2. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập**

1. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập của tỉnh, gồm:

a) Hỗ trợ bằng 70% định mức tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, tiền đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người nghiện cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

b) Bố trí chỗ ở miễn phí tại cơ sở cai nghiện công lập trong suốt thời gian cai nghiện.

c) Hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng: Người dân tộc thiểu số; người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc hộ cận nghèo; người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

d) Mở rộng đối tượng được áp dụng chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm: Người dân tộc thiểu số; người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc hộ cận nghèo; người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

Các chế độ hỗ trợ còn lại được áp dụng theo quy định của Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính.

2. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật, gồm:

a) Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy.

b) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Hỗ trợ chi phí xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

### **Điều 3. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập**

1. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập phải đóng góp các khoản chi phí như sau:

a) 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy theo phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp trường hợp không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT. Riêng các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 2, Nghị định số 80/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các đối tượng mở rộng tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này chỉ đóng góp 5% chi phí nêu trên.

b) Đóng góp bằng 30% định mức mức tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, tiền đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người nghiện cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

c) Chi phí tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

d) Chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/lần.

đ) Chi phí học văn hóa, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): Mức thu tùy thuộc vào ngành nghề đăng ký và chi phí thực tế từng thời điểm, đảm bảo thu đủ bù chi.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trong thời gian cai nghiện phải đóng góp các khoản chi phí như sau (trừ các trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định):

a) Chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Tiền thuốc trong hỗ trợ điều trị cắt con nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

d) Tiền ăn trong thời gian cắt con nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian cắt con nghiện đến khi có kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy.

đ) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma túy theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng.....năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2020./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ III - Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị, thành phố;
- Cơ quan thường trú: Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân dân tại An Giang;
- Truyền hình Quốc hội tại An Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Website tỉnh AG;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. P.Tổng hợp.

**CHỦ TỊCH**



Số: 408/TTr-SLĐTBXH

An Giang, ngày 02 tháng 03 năm 2020

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại Công văn số 123/UBND-TH ngày 10/02/2020 về việc giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị nội dung đề trình tại kỳ họp lần thứ 13 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Nhằm thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

#### 1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

#### 2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, những năm gần đây, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trên địa tỉnh An Giang ngày càng diễn biến phức tạp, số người nghiện ma túy ngày càng tăng (năm 2019, toàn tỉnh quản lý 6.155 người nghiện, có 803 người nghiện ma túy mới, tăng 15% so với năm 2018),

trong đó có nhiều người nghiện là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ cận nghèo; người nghiện bị nhiễm HIV/AIDS không nằm trong đối tượng được Nhà nước hỗ trợ khi tham gia cai nghiện tự nguyện. Đặc biệt nhiều người nghiện chưa thành niên (từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi) không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và cũng chưa có chế tài để xử lý. Căn cứ tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh mở rộng đối tượng được hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập ngoài những đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, bao gồm: người dân tộc thiểu số, người bị nhiễm HIV/AIDS, người thuộc hộ cận nghèo, người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

- Nhằm khuyến khích, thu hút người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập, tại gia đình và cộng đồng; giảm tỷ lệ cai nghiện bắt buộc tránh tình trạng quá tải tại Cơ sở theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy của Chính phủ; đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện chính sách, cần kiện toàn và thống nhất mức chi, chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang. Dự thảo Nghị quyết chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định của Trung ương (Nghị quyết này quy định cụ thể định mức chi phí cai nghiện tự nguyện trong khuôn khổ mức khung quy định tại Thông tư 124/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính), căn cứ tình hình thực tế của địa phương, tham khảo định mức chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện của các tỉnh lân cận như Đồng Tháp, Kiên Giang, nghiên cứu định mức các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ miễn, giảm chi phí cai nghiện ma túy bắt buộc trên địa bàn tỉnh An Giang được quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 19/7/2018 (*cơ sở pháp lý là Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng*). Hiện nay, do chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định mức đóng góp cụ thể đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập; tại gia đình và cộng đồng. Nhằm mục đích để người cai nghiện ma túy có trách nhiệm trong quá trình tham gia cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở; tại gia đình và cộng đồng. Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Thông tư 124/2018/TT-BTC quy định, ngoài các khoản chi phí được Nhà

nước hỗ trợ, miễn, giảm, HĐND tỉnh xem xét, quyết định mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) phải đóng góp một phần chi phí cai nghiện tự nguyện, bao gồm các chi phí Y tế, định mức đóng góp tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, tiền đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chi phí tiền điện, nước, vệ sinh, chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao.

Từ những cơ sở pháp lý và nguyên nhân nêu trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết và có cơ sở pháp lý. Nhằm giúp các cơ quan, đơn vị và các địa phương thống nhất triển khai thực hiện việc quản lý việc quản lý và sử dụng kinh phí trong công tác cai nghiện ma túy đúng theo quy định tại Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh các nội dung cụ thể như sau:

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Nhằm kịp thời triển khai và đảm bảo tính thống nhất áp dụng giữa các cơ quan, đơn vị và các địa phương các quy định về quản lý và sử dụng kinh phí trong thực hiện công tác cai nghiện ma túy, nâng cao trách nhiệm của các ngành, các địa phương trong công tác quản lý và sử dụng kinh phí cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh đúng quy định và hiệu quả.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các ngành, các địa phương trong công tác phòng, chống ma túy nói chung và công tác cai nghiện ma túy nói riêng. Quan tâm, chú trọng bố trí kinh phí nhằm đa dạng hóa các hình thức, biện pháp và mô hình điều trị, cai nghiện ma túy, nhất là bố trí kinh phí thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập, tại gia đình và cộng đồng. Giảm dần số lượng người cai nghiện ma túy bắt buộc, giảm áp lực quá tải của Cơ sở. Quy định mức hỗ trợ cao hơn, mở rộng đối tượng hơn ngoài chế độ quy định tại Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính. Tạo điều kiện cho người nghiện ma túy lựa chọn hình thức cai nghiện phù hợp tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; tại gia đình và cộng đồng, giúp bản thân người nghiện có trách nhiệm hơn trong việc tham gia cai nghiện tự nguyện; huy động sức mạnh toàn hệ thống chính trị và cộng đồng chung tay giúp người nghiện sớm từ bỏ con đường nghiện ma túy, tái hòa nhập cộng đồng.

### **2. Yêu cầu**

- Các ngành, các địa phương kịp thời triển khai thực hiện đúng quy định về quản lý và sử dụng kinh phí, nội dung, định mức chi kinh phí thực hiện chế độ

hỗ trợ; định mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh.

- Phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương.

### III. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết gồm 04 Điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2: Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập.

Điều 3. Mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập.

Điều 4: Tổ chức thực hiện.

*(Đính kèm dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Biểu tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và địa phương).*

Nhằm triển khai thực hiện tốt công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết với nội dung nêu trên để thống nhất việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- TT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng PCTNXH.

*ngkh*



**GIÁM ĐỐC**

**Châu Văn Ly**

Số: 51/BC-STP

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 376/SLĐTĐBXH-PCTNXH ngày 26/02/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### **I. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

Khoản 2 Điều 1 dự thảo quy định:

*“2. Đối tượng áp dụng*

*a. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ; miễn, giảm chi phí cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập; tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.*

*b. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập; tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang.”*

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết không quy định chế độ miễn, giảm chi phí cai nghiện. Do đó, đề xuất cơ quan soạn thảo không quy định nội dung này tại đối tượng áp dụng của dự thảo. Đồng thời, sử dụng dấu ngoặc đơn sau Điểm a, b tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo, đảm bảo thống nhất với quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

#### **II. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 124/2018/TT-BTC quy định:

*“Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện*

...

2. Nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy (hoặc gia đình của người cai nghiện ma túy) theo mức đóng góp cụ thể do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.”.

Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC quy định:

**“Điều 4. Mức ngân sách nhà nước bảo đảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

...

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này (nếu có);

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Mức hỗ trợ chỗ ở đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (bao gồm cả các cơ sở đa chức năng có cai nghiện tự nguyện).”.

Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 124/2018/TT-BTC quy định:

**“Điều 7. Chế độ hỗ trợ**

...

2. Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn so với quy định tại Khoản 1 Điều này.”.

Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

**“Điều 27. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên....”.

Căn cứ quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

### III. Dự thảo Nghị quyết

1. Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh câu “*người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập; tại gia đình và cộng đồng*” thành “*người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập*” trong toàn bộ nội dung dự thảo.

2. Điểm c Khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định:

“*c) Nhà nước đảm bảo tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC.*”

Nội dung này đã được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC. Đồng thời, không giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ này (áp dụng trực tiếp quy định tại Thông tư), do đó đề nghị cơ quan soạn thảo trong trường hợp cần thiết và để thuận tiện cho việc áp dụng văn bản tại địa phương có thể dẫn chiếu các chế độ còn lại được áp dụng đối với người cai nghiện tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC. Không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản cấp trên để đảm bảo thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều chỉnh dấu chấm phẩy (;) thành dấu hai chấm (:) ở cuối Khoản 1 Điều 1 dự thảo.

3. Điểm b Khoản 1 Điều 2 dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “*cho tất cả người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC*”.

Điểm d, Khoản 1 Điều 2 dự thảo, đề xuất điều chỉnh như sau:

“*d) Hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng: Người dân tộc thiểu số, người bị nhiễm HIV/AIDS, người thuộc hộ cận nghèo, người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).*”.

4. Đề xuất điều chỉnh Khoản 2 Điều 2 dự thảo như sau:

“*2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ như sau:*

*a) Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy.*

*b) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.*

*c) Hỗ trợ chi phí xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.*”.

5. Đoạn 1, Đoạn 2 Khoản 1 Điều 3 dự thảo đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:

*“1. Người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập phải đóng góp các khoản chi phí như sau:...”*

6. Khoản 2 Điều 3 dự thảo: Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh như sau:

*“2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trong thời gian cai nghiện phải đóng góp các khoản chi phí như sau (trừ trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định):...”*. Đối với nội dung dẫn chiếu mức đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng bằng với mức đóng góp của người cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng (Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND) đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày tại dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất các chế độ hỗ trợ, mức đóng góp; việc mở rộng đối tượng hỗ trợ tại Khoản 2 Điều 2 dự thảo với Sở Tài chính trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết.

8. Đề nghị điều chỉnh tên gọi dự thảo Tờ trình thống nhất theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ban Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tư pháp  
Email: sotuphap@angiang.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh An Giang  
Thời gian ký: 28.02.2020  
16:46:19 +07:00

**Cao Thanh Sơn**



Số: 323 /STC-HCSN

An Giang, ngày 21 tháng 02 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Tài chính nhận được Công văn số 228/SLĐTBXH-PCTNXH ngày 12/02/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết HĐND tỉnh quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sau khi xem xét, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Đề nghị đơn vị bổ sung nội dung, cơ sở trình HĐND tỉnh ban hành chế độ hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b mục 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện. Cụ thể, đối tượng mở rộng, mức hỗ trợ cao hơn quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC.

2. Về bố cục: tại dự thảo Nghị quyết, Quyết định đơn vị đề xuất chế độ hỗ trợ, mức đóng góp chung cho 02 nhóm đối tượng: người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện chính sách, đề nghị đơn vị dự thảo tách riêng chế độ chính sách cho 02 nhóm đối tượng riêng biệt (trong đó nêu rõ chi tiết 02 nội dung: mức hỗ trợ và từ NSNN và các khoản đóng góp của từng nhóm đối tượng).

3. Về chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập:

- Chế độ hỗ trợ:

+ Đề nghị đơn vị nêu cụ thể điều khoản “đối tượng hỗ trợ”, do tại nội dung này đơn vị có mở rộng thêm đối tượng so khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh gồm: người dân tộc thiểu số, người bị nhiễm HIV/AIDS, người thuộc hộ cận nghèo, người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

+ Về hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: đề nghị đơn vị bổ sung tiêu đề hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt tại điều khoản này, đồng thời bỏ nội

dung quy đổi tương đương trong ngoặc đơn (tương đương 0,56 mức lương cơ sở/người/tháng chi phí tiền ăn; 0,63 mức lương cơ sở/người/đợt chi phí tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân).

+ Về hỗ trợ chỗ ở miễn phí: đề nghị đơn vị nêu rõ hình thức hỗ trợ như bố trí chỗ ở tại cơ sở hay hỗ trợ bằng tiền,...

- Các khoản đóng góp:

+ Đề nghị đơn vị nêu rõ tiêu đề khoản đóng góp 30% của những đối tượng này.

+ Về chi phí đóng góp tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng và chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/đợt. Đề nghị đơn vị nêu rõ cơ sở xác định mức đóng góp 80.000 đồng/người/tháng và 70.000 đồng/người/đợt.

4. Về chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: tương tự như các nội dung góp ý tại khoản 3, đề nghị đơn vị nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

Sở Tài chính gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để biết và tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, HCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: Sở Tài chính  
Email: [sotaichinh@angiang.gov.vn](mailto:sotaichinh@angiang.gov.vn)  
Cơ quan: Tỉnh An Giang  
Thời gian ký: 26.02.2020  
10:44:35 +07:00

**Nguyễn Thị Ngọc Lan**

An Giang, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**BIỂU TỔNG HỢP**

**Ý kiến đóng góp dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

TT	Đơn vị	Nội dung góp ý	Ý kiến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
1	Sở Tài chính (Công văn số 323 /STC-HCSN ngày 21/02/2020)	<p>1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết: Đề nghị đơn vị bổ sung nội dung, cơ sở trình HĐND tỉnh ban hành chế độ hỗ trợ theo quy định tại điểm a, b mục 3 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện. Cụ thể, đối tượng mở rộng, mức hỗ trợ cao hơn quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC.</p> <p>2. Về bố cục: tại dự thảo Nghị quyết, Quyết định đơn vị đề xuất chế độ hỗ trợ, mức đóng góp chung cho 02 nhóm đối tượng: người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, để tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện</p>	<p>Thống nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp. Sở nêu rõ các căn cứ pháp lý cũng như nội dung, cơ sở để trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết trong dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh.</p> <p>Thống nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp. Sở đã sắp xếp bố cục văn bản, tách riêng chế độ chính sách cho 02 nhóm đối tượng riêng biệt, cụ thể: chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện</p>

		<p>chính sách, đề nghị đơn vị dự thảo tách riêng chế độ chính sách cho 02 nhóm đối tượng riêng biệt (trong đó nêu rõ chi tiết 02 nội dung: mức hỗ trợ và từ NSNN và các khoản đóng góp của từng nhóm đối tượng).</p>	<p>ma túy công lập; tại gia đình và cộng đồng và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; tại gia đình và cộng đồng.</p>
		<p>3. Về chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở công lập:</p> <p>- Chế độ hỗ trợ:</p> <p>+ Đề nghị đơn vị nêu cụ thể điều khoản “đối tượng hỗ trợ”, do tại nội dung này đơn vị có mở rộng thêm đối tượng so khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh gồm: người dân tộc thiểu số, người bị nhiễm HIV/AIDS, người thuộc hộ cận nghèo, người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).</p> <p>+ Về hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: đề nghị đơn vị bổ sung tiêu đề hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt tại điều khoản này, đồng thời bỏ nội dung quy</p>	<p>Thông nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp. Sở đã nêu cụ thể điều khoản “đối tượng hỗ trợ”, đối tượng mở rộng hơn, và chế độ cụ thể đối với nhóm đối tượng này.</p> <p>Thông nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp. Sở đã bổ sung tiêu đề hỗ trợ tiền ăn, tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và</p>

	<p>đối tượng đương trong ngoặc đơn (ương đương 0,56 mức lương cơ sở/người/tháng chi phí tiền ăn; 0,63 mức lương cơ sở/người/đợt chi phí tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân).</p> <p>+ Về hỗ trợ chỗ ở miễn phí: đề nghị đơn vị nêu rõ hình thức hỗ trợ như bố trí chỗ ở tại cơ sở hay hỗ trợ bằng tiền,...</p> <p>- Các khoản đóng góp:</p> <p>+ Đề nghị đơn vị nêu rõ tiêu đề khoản đóng góp 30% của những đối tượng này.</p> <p>+ Về chi phí đóng góp tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng và chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/đợt. Đề nghị đơn vị nêu rõ cơ sở xác định mức đóng góp 80.000 đồng/người/tháng và 70.000 đồng/người/đợt.</p>	<p>bỏ nội quy đối tượng đương trong ngoặc.</p> <p>Thông nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp.</p> <p>Thông nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp. Sở nêu cụ thể hình thức hỗ trợ chỗ ở tại cơ sở và các khoản đóng góp cụ thể, bổ sung cơ sở để xác định mức đóng góp tiền điện, nước, vệ sinh và tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao.</p>
	<p>4. Về chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng: tương tự như các nội dung góp ý tại khoản 3, đề nghị đơn vị nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.</p>	<p>Thông nhất và điều chỉnh theo ý kiến đóng góp, Sở đã điều chỉnh nội dung và sắp xếp lại bố cục văn bản. Đồng thời, để xây dựng nội dung này, Sở đã dựa trên tình hình thực tế của địa phương, đối chiếu với mức chi phí của các tỉnh lân cận và đã cân nhắc, so sánh với định mức các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ miễn, giảm chi phí cai nghiện ma túy bắt buộc</p>

			trên địa bàn tỉnh An Giang quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 19/7/2018.
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang (Công văn số 288/MTTQ-BTT ngày 20/02/2020)	Thông nhất với nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu
3	Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn (Công văn số 374/UBND-VX ngày 20/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
4	Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn (Công văn số 106/UBND-VX ngày 20/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
5	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện TP. Châu Đốc (Công văn số 42/CV-LĐTBXH ngày 20/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
6	Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu (Công văn số 152/UBND-TH ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
7	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân (Công văn số 302/UBND-PLĐTBXH ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
8	Công an tỉnh (Công văn số 505/CAT - PV01) ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
9	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Châu Phú (Công văn số 26/PLĐTBXH ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
10	Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên (Công văn số 845/UBND-VX ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
11	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành (Công văn số 89/UBND-TH ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”

12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện huyện Chợ Mới (Công văn số 58/CV-LĐTBXH ngày 21/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
13	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sở Y tế An Giang (Công văn số 245/KSBT ngày 25/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
14	Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú (Công văn số 118/UBND-VP ngày 25/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”
15	Ủy ban nhân dân huyện An Phú (Công văn số 253/UBND-VP ngày 27/02/2020)	Thông nhất với dự thảo.	”

**Tổng số:** Có 15 cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản đóng góp ý kiến./.


  
**GIÁM ĐỐC**  
 Châu Văn Ly